

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH LỚP 10 DỰ KIẾN

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Học sinh trường	Môn Thường			Môn chuyên		Tổng điểm	Lớp	Ghi chú
						Toán	Văn	Anh	Môn	Điểm			
1	050009	BÙI ĐÌNH TUẤN	ANH	27/11/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	8	4.5	8.6	Toán	11.5	32.6	10TO1	
2	060053	NGUYỄN LÊ LINH	CHI	01/01/2011	Trường THCS Nguyễn Du	7	7.5	7	Toán	11.5	33	10TO1	
3	050064	ĐÌNH TIỀN HOÀNG	DIỆU	18/04/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	9	6	7.4	Toán	12.25	34.65	10TO1	
4	050075	NGUYỄN VĂN	DŨNG	07/08/2011	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	8.75	7	4.8	Toán	12.75	33.3	10TO1	
5	060082	NGUYỄN HOÀNG VĨNH	ĐĂNG	02/11/2011	Trường THCS Nguyễn Du	9	5.25	5.8	Toán	12.5	32.55	10TO1	
6	060105	PHẠM GIA	HÀN	03/12/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	8.5	7.5	5.2	Toán	12.5	33.7	10TO1	
7	060118	VÕ HUỖNH ĐÌNH	HIẾU	20/12/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.5	7.5	5.2	Toán	10.75	31.95	10TO1	
8	060114	NGUYỄN XUÂN	HIẾU	08/01/2011	Trường THCS Trần Phú	8.8	6.75	7	Toán	10.25	32.8	10TO1	
9	050148	NGUYỄN ĐÌNH GIA	HÒA	31/10/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	9	6.5	6.4	Toán	12.5	34.4	10TO1	
10	060137	NGUYỄN BÁ	HUY	26/01/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	8	6.75	7.2	Toán	11.75	33.7	10TO1	
11	060153	BÙI NGUYỄN	KHA	06/06/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.25	5.75	7.8	Toán	11.5	33.3	10TO1	
12	050175	HỒ THIÊN	KHANG	14/03/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.8	7.25	7.2	Toán	12.25	34.5	10TO1	
13	050184	TÔNG GIA	KHÁNH	24/03/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	8.5	5.5	6.6	Toán	11.5	32.1	10TO1	
14	060164	TRẦN MINH	KHÔI	19/09/2011	Trường THCS Năm Nung	9	6.75	7.8	Toán	12.25	35.8	10TO1	
15	050201	TRẦN HỒ TUỆ	LÂM	24/03/2011	Trường THCS Trần Phú	9	8	6.8	Toán	11	34.8	10TO1	
16	050216	NGUYỄN TRÚC	LINH	10/12/2011	Trường THCS Đắk Buk So	8.05	7.25	7.8	Toán	12	35.1	10TO1	
17	060194	VÕ DƯƠNG THUY	LINH	28/02/2011	Trường THCS Trần Phú	8.55	6.75	7.2	Toán	11.5	34	10TO1	
18	060196	NGUYỄN HOÀNG	LONG	21/04/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	9.25	6	8.6	Toán	11.75	35.6	10TO1	
19	060200	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	LỘC	01/01/2011	Trường THCS Nguyễn Trãi	8.75	6.25	6.4	Toán	11.75	33.15	10TO1	
20	050233	LÊ VIỆT	MANH	21/06/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	8.75	6	6.2	Toán	12.5	33.45	10TO1	
21	060246	TRẦN BUI GIA	NGHĨA	24/09/2011	Trường THCS Trần Quốc Toàn	7	8	5.2	Toán	11.5	31.7	10TO1	
22	050267	PHAN BAO	NGỌC	11/05/2011	Trường THCS Trần Phú	8.25	8	4.8	Toán	12	33.05	10TO1	
23	050278	NGUYỄN AN	NGUYỄN	02/03/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.55	6.5	5.6	Toán	12	31.65	10TO1	
24	050281	NGUYỄN LÊ ANH	NGUYỄN	13/02/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	9.25	5.75	7.6	Toán	11.5	34.1	10TO1	
25	050284	BIỆN GIA TRỌNG	NHÂN	28/01/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	8	7.75	5.8	Toán	11.5	33.05	10TO1	
26	050286	PHAN XUÂN	NHẬT	17/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	8.25	5.75	6.8	Toán	11.75	32.55	10TO1	
27	060338	PHẠM NGỌC	QUÝ	19/08/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	8.5	6.5	6.2	Toán	11.5	32.7	10TO1	
28	060343	ĐÀU TRƯỜNG	SƠN	01/01/2011	Trường THCS Phan Chu Trinh	8.8	7.25	4.2	Toán	11.75	32	10TO1	
29	060390	HUỖNH LÊ	TÍNH	15/04/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	9.05	6.25	5.2	Toán	12	32.5	10TO1	
30	060427	VŨ VĂN	TUYÊN	16/01/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.05	8	3.8	Toán	12.25	32.1	10TO1	
31	060368	PHAN LÊ HOÀNG	THIÊN	08/11/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.5	6.75	5.6	Toán	12	32.85	10TO1	
32	050369	NGUYỄN MAI HAI	THIÊN	27/12/2011	Trường THCS Đắk Buk So	7.8	5.75	6.4	Toán	12	31.95	10TO1	
33	060445	TRẦN LÊ THAO	VI	01/06/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	8.35	8.25	6.4	Toán	12.5	35.5	10TO1	
34	060448	NGUYỄN KIM	VŨ	15/11/2011	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	8.05	6.25	6.8	Toán	12.5	33.6	10TO1	
35	060461	ĐỖ THỊ TRÂM	XUÂN	22/07/2011	Trường THCS Ngô Quyền	8.8	7	6.8	Toán	11.5	34.1	10TO1	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Học sinh trường	Môn Thường			Môn chuyên		Tổng điểm	Lớp	Ghi chú
						Toán	Văn	Anh	Môn	Điểm			
1	060009	BÙI HOÀNG	ANH	24/02/2011	Trường THCS Nguyễn Du	9.5	8	7	Toán	13.25	37.75	10TO2	
2	050016	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	ANH	24/09/2011	Trường THCS Trần Phú	7.25	7.25	6	Toán	13.25	33.75	10TO2	
3	050042	NGUYỄN PHẠM NGỌC	BÍCH	12/10/2011	Trường THCS Đắk Buk So	8.5	7.75	7.6	Toán	13.75	37.6	10TO2	
4	060058	PHẠM TUẤN	CUÔNG	14/04/2011	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.5	7.6	Toán	16.5	37.85	10TO2	
5	050054	NGUYỄN LINH	CHI	01/05/2011	Trường THCS Lý Thường Kiệt	8.85	5.5	5	Toán	13.5	32.85	10TO2	
6	060067	PHẠM HÀ	DỪNG	06/06/2011	Trường THCS Nguyễn Du	10	6.75	7.4	Toán	16	40.15	10TO2	
7	050147	MAI XUÂN	HÒA	13/10/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	8.75	6.25	4.2	Toán	13.5	32.7	10TO2	
8	060121	ĐÀO HUY	HOÀNG	24/08/2011	Trường THCS Nguyễn Du	9	6.75	7.2	Toán	15.5	38.45	10TO2	
9	050142	CAO HUY	HOÀNG	03/02/2011	Trường THCS Hoàng Văn Thu	7	6.25	5.8	Toán	12.75	31.8	10TO2	
10	060134	LÊ GIA	HUY	25/12/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	8.25	5.5	4.6	Toán	13.5	31.85	10TO2	
11	060143	VŨ TIẾN	HUY	10/08/2011	Trường THCS Trần Phú	7.6	5.75	7	Toán	13.5	33.85	10TO2	
12	060148	VŨ TIẾN	HÙNG	10/08/2011	Trường THCS Trần Phú	7.85	5.5	5.6	Toán	13.5	32.45	10TO2	
13	060171	LÊ TUẤN	KIỆT	25/10/2011	Trường THCS Nguyễn Khuyến	8.35	5.75	5	Toán	12.75	31.85	10TO2	
14	050185	VŨ GIA	KHÁNH	18/11/2011	Trường THCS Trần Phú	8.25	7	7.6	Toán	13.25	36.1	10TO2	
15	060162	LÊ NGUYỄN	KHÔI	07/11/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.55	7.5	6.2	Toán	13	35.25	10TO2	
16	050202	CÁP THỊ HẢI	LINH	05/07/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	8.55	8	7.8	Toán	14.25	38.6	10TO2	
17	060183	NGUYỄN MAI	LINH	01/12/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.75	7.25	7.2	Toán	13.75	36.95	10TO2	
18	050219	VŨ THẢO	LINH	28/11/2011	Trường THCS Lý Tự Trọng	8.75	6.75	7.6	Toán	13.25	36.35	10TO2	
19	060221	PHAN ANH	MINH	11/10/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.55	6	6.4	Toán	13	33.95	10TO2	
20	060225	LÊ LƯU THẢO	MY	19/07/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	9.25	6	6.2	Toán	13.75	35.2	10TO2	
21	050253	NGUYỄN NGỌC BẢO	NAM	02/10/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.1	7.25	7.4	Toán	15.25	37	10TO2	
22	050250	HỒ PHƯƠNG	NAM	23/04/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	8	6.75	9.6	Toán	14	38.35	10TO2	
23	060262	LÊ NGUYỄN NHẬT	NGUYỄN	10/12/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	8.25	8.5	6	Toán	15.5	38.25	10TO2	
24	060275	VƯƠNG THẢO	NGUYỄN	23/10/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	8.25	8	7.2	Toán	13	36.45	10TO2	
25	050316	HOÀNG THU	PHƯƠNG	05/03/2011	Trường THCS Đắk Buk So	8.75	7.25	4.6	Toán	13.75	34.35	10TO2	
26	050315	HOÀNG MAI	PHƯƠNG	10/05/2011	Trường THCS Trần Phú	6.8	7.25	5	Toán	12.75	31.8	10TO2	
27	060323	LÊ MINH	QUANG	20/09/2011	Trường THCS Phan Đình Phùng	8.3	4.25	6.8	Toán	14	33.35	10TO2	
28	060331	LÊ BÁ MINH	QUÂN	11/02/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.25	7.5	5	Toán	13.5	34.25	10TO2	
29	060355	LÊ TÂN	THÀNH	03/10/2011	Trường THCS Phan Bội Châu	7.55	5.25	5	Toán	14	31.8	10TO2	
30	060365	LÊ TIẾN	THẮNG	28/06/2011	Trường THCS Nguyễn Du	8.75	8	6.2	Toán	15	37.95	10TO2	
31	050400	NGUYỄN TRẦN BAO	THỨC	17/10/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	8.75	8	7.4	Toán	15.75	39.9	10TO2	
32	050398	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	15/03/2011	Trường THCS Trần Phú	8.75	6.75	7.6	Toán	12.75	35.85	10TO2	
33	060407	NGUYỄN THỊ QUẾ	TRẦN	07/07/2011	Trường THCS Nguyễn Du	9.25	7.25	5	Toán	12.75	34.25	10TO2	
34	060423	ĐỖ XUÂN	TRƯỜNG	05/05/2011	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	9	6.25	4.2	Toán	13.5	32.95	10TO2	
35	050458	NGUYỄN LÊ KHÁNH	VĂN	21/12/2011	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	8.3	6.25	6.2	Toán	14.5	35.25	10TO2	